

CÔNG TY CỔ PHẦN DALATBECO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

Được kiểm toán bởi:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VIỆT ÚC ("VAAL")



CÔNG TY CỔ PHẦN DATLATBECO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

NỘI DUNG	TRANG
1. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	01 - 02
2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03 - 03
3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	04 - 05
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	06 - 06
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	07 - 07
6. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	08 - 20

CÔNG TY CỔ PHẦN DATLATBECO

Số 9, Dã Chiến, Phường 11, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Công ty Cổ Phần DalatBeco được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5800288971 được cấp bởi Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng ngày 28 tháng 12 năm 2000, và theo giấy chứng nhận thay đổi lần thứ mười một ngày 12 tháng 05 năm 2023 điều chỉnh tên Công ty Cổ Phần Rượu Bia Đà Lạt thành Công ty Cổ phần DalatBeco.

Công ty Cổ Phần DalatBeco (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024.

Hội đồng quản trị

Ông Bùi Thành Chi
Ông Bùi Thành Lâm
Ông Ngô Thế Hiền
Bà Lâm Diệu Linh
Ông Nguyễn Bá Triết

Chức vụ

Chủ tịch hội đồng quản trị
Phó chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên

Ban Giám Đốc

Bà Lâm Diệu Linh

Chức vụ

Giám đốc

Ban Kiểm Soát

Ông Trần Minh Tuấn
Bà Huỳnh Thị Kim Phượng
Ông Lê Ngọc Sơn

Chức vụ

Trưởng ban
Thành viên
Thành viên

Người đại diện theo pháp luật

Ông Bùi Thành Chi

Chức vụ

Chủ tịch hội đồng quản trị

Kiểm toán độc lập:

Công ty TNHH Kiểm toán Việt Úc

Công bố trách nhiệm của Ban Giám Đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám Đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 03 năm 2024, Kết quả Hoạt động kinh doanh và tình hình Lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám Đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá, dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở doanh nghiệp hoạt động liên tục.

Ban Giám Đốc nhận định rằng không có bất kỳ một nghiệp vụ, một sự kiện, một vấn đề bất thường nào phát sinh từ sau ngày kết thúc niên độ đến ngày lập báo cáo này có ảnh hưởng trọng yếu đến các báo cáo tài chính của Công ty của năm tài chính hiện hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN DATLATBECO

Số 9, Dã Chiến, Phường 11, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Chúng tôi phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm được trình bày từ trang 04 đến trang 20, báo cáo này đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 03 năm 2024, Kết quả hoạt động kinh doanh và Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ngày 15 tháng 05 năm 2024

Thay mặt Ban Giám Đốc



LÂM ĐIỀU LINH

Giám đốc

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN DATLATBECO**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ Phần DalatBeco (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 15 tháng 05 năm 2024, từ trang 04 đến trang 20, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 03 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ Phần DalatBeco tại ngày 31 tháng 03 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 05 năm 2024

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VIỆT ÚC ("VAAL")



PHẠM QUỐC HẢI

Tổng Giám đốc

GCNĐKHNTK số: 1168-2023-160-1

LÊ TRƯƠNG CƯỜNG

Kiểm toán viên

GCNĐKHNTK số: 4140-2024-160-1

CÔNG TY CỔ PHẦN DATLATBECO

Số 9, Dã Chiến, Phường 11, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2024

(Áp dụng cho doanh nghiệp đáp ứng giả định hoạt động liên tục)

Mẫu số B01-DN

(Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	CUỐI NĂM	ĐẦU NĂM
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		30.944.168.265	35.522.338.006
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	545.805.190	12.449.228.529
Tiền	111		545.805.190	1.449.228.529
Các khoản tương đương tiền	112		-	11.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		8.697.062.036	12.483.764.727
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	6.540.051.475	1.205.579.394
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	2.157.010.561	4.055.043.865
Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	-	7.223.141.468
Hàng tồn kho	140	V.5	18.288.845.451	9.824.008.670
Hàng tồn kho	141		18.288.845.451	9.824.008.670
Tài sản ngắn hạn khác	150		3.412.455.588	765.336.080
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	-	157.759.497
Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.892.746.942	607.576.583
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12	519.708.646	-
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		31.784.294.321	11.244.922.148
Tài sản cố định	220		5.743.508.923	5.564.172.551
Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	5.712.258.923	5.514.172.551
<i>Nguyên giá</i>	222		26.132.389.322	24.769.050.061
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(20.420.130.399)	(19.254.877.510)
Tài sản cố định vô hình	227	V.7	31.250.000	50.000.000
<i>Nguyên giá</i>	228		150.000.000	150.000.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(118.750.000)	(100.000.000)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.8	25.774.150.440	5.454.545.455
Tài sản dài hạn khác	260		266.634.958	226.204.142
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	266.634.958	226.204.142
TỔNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		62.728.462.586	46.767.260.154

CÔNG TY CỔ PHẦN DATLATBECO

Số 9, Dã Chiến, Phường 11, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**Mẫu số B01-DN**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2024

(Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC

(Áp dụng cho doanh nghiệp đáp ứng giả định hoạt động liên tục)

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	CUỐI NĂM	ĐẦU NĂM
NỢ PHẢI TRẢ	300		21.373.103.531	5.138.839.448
Nợ ngắn hạn	310		21.373.103.531	5.138.839.448
Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	8.297.574.129	1.264.243.542
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.11	3.397.711.765	3.252.139.579
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	66.340.484	65.559.022
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	40.000.000	40.000.000
Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	9.242.062.792	187.482.944
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.15	329.414.361	329.414.361
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		41.355.359.055	41.628.420.706
Vốn chủ sở hữu	410	V.16	41.355.359.055	41.628.420.706
Vốn góp của chủ sở hữu	411		36.000.000.000	36.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		36.000.000.000	36.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		4.250.603.996	4.250.603.996
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.104.755.059	1.377.816.710
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		1.086.811.689	406.723.284
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		17.943.370	971.093.426
TỔNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		62.728.462.586	46.767.260.154

Ngày 15 tháng 05 năm 2024

NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN

Người lập biểu

PHẠM LONG VƯƠNG

Kế toán trưởng

**LÂM DIỆU LINH**

Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN DATLATBECO

Số 9, Dã Chiến, Phường 11, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Mẫu số B02-DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

(Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	12.295.999.134	21.771.947.569
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		12.295.999.134	21.771.947.569
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	9.339.363.304	18.302.664.114
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		2.956.635.830	3.469.283.455
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	8.358.998	93.569.713
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	6.842.380	89.602.328
- Trong đó : Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5a	1.085.001.965	800.998.115
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5b	1.587.084.538	2.680.637.963
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	30		286.065.945	(8.385.238)
11. Thu nhập khác	31		1.000.000	1.105.969.115
12. Chi phí khác	32		211.709.386	101.527.023
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(210.709.386)	1.004.442.092
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		75.356.559	996.056.854
15. Chi phí Thuế TNDN hiện hành	51	VI.6	57.413.189	17.983.356
16. Chi phí Thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		17.943.370	978.073.498
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.7	5	271
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		5	271

NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN
Người lập biểu**PHẠM LONG VƯƠNG**
Kế toán trưởng**LÂM ĐIỀU LINH**
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN DATLATBECO

Số 9, Dã Chiến, Phường 11, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

Mẫu số B03-DN

(Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
I - Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		75.356.559	996.056.854
Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02		1.184.002.889	(42.731.120)
- Các khoản dự phòng	03		-	(1.279.366.325)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(7.735.997)	(285.080)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(623.001)	(66.767.986)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		1.251.000.450	(393.093.657)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		981.823.686	(9.401.794.089)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(8.464.836.781)	7.364.090.894
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		16.194.834.250	934.122.115
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		117.328.681	(23.047.440)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(17.983.356)	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(291.005.021)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		9.771.161.909	(1.519.722.177)
II - Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(21.682.944.246)	(6.690.418.373)
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		623.001	66.767.986
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(21.682.321.245)	(6.623.650.387)
III - Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
- Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	18.000.000.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	18.000.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(11.911.159.336)	9.856.627.436
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		12.449.228.529	2.592.316.013
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		7.735.997	285.080
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70		545.805.190	12.449.228.529

NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN
Người lập biểu

PHẠM LONG VƯƠNG
Kế toán trưởng



LÂM ĐIỆN LINH
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN DATLATBECO

Số 9, Dã Chiến, Phường 11, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B09-DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

(Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ Phần DalatBeco được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5800288971 được cấp bởi Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng ngày 28 tháng 12 năm 2000, và theo giấy chứng nhận thay đổi lần thứ mười một ngày 12 tháng 05 năm 2023 điều chỉnh tên Công ty Cổ Phần Rượu Bia Đà Lạt thành Công ty Cổ phần DalatBeco.

Hình thức sở hữu vốn:	Công ty Cổ Phần
Vốn điều lệ đăng ký:	36.000.000.000 VND
Số cổ phần:	3.600.000 Cổ phần
Mệnh giá:	10.000 VND

Trụ sở chính: Số 9, Dã Chiến, Phường 11, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

Số lượng nhân viên:	Năm nay	Năm trước
Tại thời điểm 31 tháng 03	32 người	24 người

2. Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất, thương mại và dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất rượu vang;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng;
- Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia;
- Vận tải hàng hoá bằng đường bộ;
- Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh;
- Kinh doanh rượu bia, nước giải khát;
- Kinh doanh hàng hoá, vật tư, nguyên liệu, thiết bị có liên quan đến sản xuất bia, nước giải khát.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường: 12 tháng

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 04 và kết thúc vào ngày 31 tháng 03 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị sử dụng Đồng Việt Nam (VND) trong hạch toán kế toán và trình bày Báo cáo tài chính.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Các báo cáo tài chính được soạn lập dựa theo nguyên tắc giá gốc và cơ sở dồn tích.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà Nước ban hành. Các nguyên tắc và thực hành kế toán áp dụng tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN DATLATBECO

Số 9, Dã Chiến, Phường 11, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B09-DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

(Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

a. Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ

Được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo Kết quả Kinh doanh.

b. Đối với đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ

Tại thời điểm lập Báo cáo Tài chính, Công ty đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ như sau :

+ Các khoản tiền, nợ phải thu : Đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Thương mại nơi Công ty mở tài khoản, và giao dịch thường xuyên trong kỳ báo cáo.

+ Các khoản nợ phải trả : Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng Thương mại nơi Công ty mở tài khoản, và giao dịch thường xuyên trong kỳ báo cáo.

- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại này được kết chuyển vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá, số dư cuối cùng sẽ được kết chuyển vào chi phí hay doanh thu tài chính.

c. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại tại thời điểm lập Báo cáo Tài chính:

Thời điểm	Ngân hàng	Tỷ giá mua	Tỷ giá bán
31/03/2024	Ngân Hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank)	24.660 VND/USD	24.972 VND/USD

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay các mục đích khác.

3. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

CÔNG TY CỔ PHẦN DATLATBECO

Số 9, Dã Chiến, Phường 11, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B09-DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

(Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

5. Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định hữu hình

a. Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến.

b. Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình.

- Nhà cửa, vật kiến trúc	03 - 25 năm
- Máy móc thiết bị	05 - 15 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	07 - 07 năm
- Tài sản cố định khác	15 - 15 năm

6. Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định vô hình

Chương trình phần mềm

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng.

7. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

a. Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 đến 3 năm.

b. Chi phí khác

Chi phí khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian thực tế của chi phí đó.

8. Nguyên tắc kế toán Phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Phải trả người bán và các khoản phải trả khác được ghi nhận tại thời điểm phát sinh nghĩa vụ phải trả.

9. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Vay là các khoản tiền vay của doanh nghiệp từ Ngân hàng, doanh nghiệp khác và cá nhân.

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các chi phí hoạt động đã phát sinh trong kỳ kế toán nhưng chưa được thanh toán do chưa có hóa đơn, chứng từ kế toán. Các chi phí này được ghi nhận trên cơ sở dồn tích.

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp bằng tiền của chủ sở hữu được ghi nhận trên cơ sở thực góp.

CÔNG TY CỔ PHẦN DATLATBECO

Số 9, Dã Chiến, Phường 11, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B09-DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

(Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

a. Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

b. Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có các yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

c. Doanh thu từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận khi được hưởng.

14. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán bao gồm các chi phí trực tiếp thuộc về các sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán được trong năm tài chính. Giá vốn hàng bán cũng bao gồm các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hao hụt mất mát hàng tồn kho, chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công vượt mức bình thường và chi phí sản xuất chung không phân bổ.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

16. Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.



CÔNG TY CỔ PHẦN DATLATBECO

Số 9, Dã Chiến, Phường 11, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B09-DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

(Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	Cuối năm		Đầu năm	
Tiền mặt tại quỹ		144.993.587		1.170.591.269
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn		400.811.603		278.637.260
Các khoản tương đương tiền		-		11.000.000.000
Tổng cộng		545.805.190		12.449.228.529

2. Phải thu khách hàng ngắn hạn	Cuối năm		Đầu năm	
Công ty TNHH TMTH Thiên Phát		-		371.195.129
Công ty TNHH Thương Mại Premium Spirits		6.336.368.671		626.955.999
Đối tượng khác		203.682.804		207.428.266
Tổng cộng		6.540.051.475		1.205.579.394

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn	Cuối năm		Đầu năm	
Công ty TNHH Sản Xuất Cơ Khí Xây Dựng Triễn Gia Bảo		400.000.000		-
Công ty TNHH Tư Vấn Công Nghệ Môi Trường Lighthouse		464.000.000		-
Công ty TNHH Vietsense		298.080.000		-
Winefinder Australia Pty Ltd		871.074.000		-
Công ty TNHH Tư Vấn Xây dựng 79		-		4.000.000.000
Đối tượng khác		123.856.561		55.043.865
Tổng cộng		2.157.010.561		4.055.043.865

4. Phải thu khác	Cuối năm		Đầu năm	
	Số tiền	Dự phòng	Số tiền	Dự phòng
Ngắn hạn				
Tạm ứng	-	-	7.100.000.000	-
VAT chờ khai thuế	-	-	178.968	-
Phải thu khác	-	-	122.962.500	-
Tổng cộng	-	-	7.223.141.468	-

5. Hàng tồn kho	Cuối năm		Đầu năm	
	Số tiền	Dự phòng	Số tiền	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	12.424.715.513	-	4.831.546.247	-
Chi phí SXKD dở dang	749.257.826	-	-	-
Thành phẩm	5.114.872.112	-	4.992.462.423	-
Tổng cộng	18.288.845.451	-	9.824.008.670	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DATLATBECO

Số 9, Dã Chiến, Phường 11, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Mẫu số B09-DN***(Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC**ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình*Đơn vị tính: VND*

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	9.828.307.920	13.369.600.323	1.401.327.273	46.354.545	123.460.000	24.769.050.061
- Mua trong năm	-	1.224.202.897	103.636.364	-	35.500.000	1.363.339.261
- Phân loại lại	-	(299.135.648)	-	299.135.648	-	-
Số dư cuối năm	9.828.307.920	14.294.667.572	1.504.963.637	345.490.193	158.960.000	26.132.389.322
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	6.809.096.556	12.295.797.514	70.066.363	35.336.153	44.580.924	19.254.877.510
- Khấu hao trong năm	735.451.517	256.024.233	155.966.061	6.622.078	11.189.000	1.165.252.889
- Phân loại lại	-	(39.358.090)	-	39.358.090	-	-
Số dư cuối năm	7.544.548.073	12.512.463.657	226.032.424	81.316.321	55.769.924	20.420.130.399
Giá trị còn lại						
- Tại ngày đầu năm	3.019.211.364	1.073.802.809	1.331.260.910	11.018.392	78.879.076	5.514.172.551
- Tại ngày cuối năm	2.283.759.847	1.782.203.915	1.278.931.213	264.173.872	103.190.076	5.712.258.923

Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng

13.096.260.103 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN DATLATBECO

Số 9, Dã Chiễn, Phường 11, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B09-DN

(Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

7. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	150.000.000	150.000.000
- Mua trong năm	-	-
Số dư cuối năm	150.000.000	150.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	100.000.000	100.000.000
- Khấu hao trong năm	18.750.000	18.750.000
Số dư cuối năm	118.750.000	118.750.000
Giá trị còn lại		
- Tại ngày Đầu năm	50.000.000	50.000.000
- Tại ngày Cuối năm	31.250.000	31.250.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DATLATBECO

Số 9, Dã Chiến, Phường 11, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B09-DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

(Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang (*)

Tổng cộng

(*) Thi công nâng cấp mở rộng DaLatBeco.

Cuối năm	Đầu năm
25.774.150.440	5.454.545.455
25.774.150.440	5.454.545.455

9. Chi phí trả trước

a. Ngắn hạn

Công cụ, dụng cụ

Chi phí chờ phân bổ

Tổng cộng

Cuối năm	Đầu năm
-	1.861.111
-	155.898.386
-	157.759.497

b. Dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Chi phí chờ phân bổ

Tổng cộng

134.031.490	92.054.140
132.603.468	134.150.002
266.634.958	226.204.142

10. Phải trả người bán ngắn hạn

Excellent Packaging Sourcing&Supply SDN BHD

Công ty CP Phát triển Minh Long

Công ty TNHH Tư Vấn Thiết Kế Xây Dựng Ngọc Phong

Ntra Sra. Puente De Rus Sdad Coop

Đối tượng khác

Tổng cộng

Cuối năm	Đầu năm
578.238.048	626.988.048
3.373.154.958	-
1.281.459.328	-
428.400.000	428.400.000
2.636.321.795	208.855.494
8.297.574.129	1.264.243.542

11. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Công ty TNHH Sản xuất Thương mại SPT

Công ty Cổ phần Hầm Rượu Âu Mỹ

Chi nhánh Công ty TNHH TM - DV An Tường

Công ty TNHH VMV Châu Á

Đối tượng khác

Tổng cộng

Cuối năm	Đầu năm
200.612.871	200.612.871
708.040.678	257.392.092
855.536.800	872.537.200
298.620.000	298.620.000
1.334.901.416	1.622.977.416
3.397.711.765	3.252.139.579

12. Thuế và các khoản phải nộp/thu Ngân sách Nhà Nước

	Đầu năm	Phải nộp	Đã nộp	Cuối năm
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	994.260.804	1.059.380.435	(65.119.631)
Thuế tiêu thụ đặc biệt	38.648.371	1.441.387.900	1.833.049.846	(353.013.575)
Thuế xuất khẩu, nhập khẩu	-	714.394.157	714.394.157	-
Thuế TNDN	17.983.356	57.413.189	17.983.356	57.413.189
Thuế TNCN	8.927.295	-	-	8.927.295
Thuế đất	-	162.193.570	263.769.010	(101.575.440)
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Các khoản phí, lệ phí	-	45.000.000	45.000.000	-
Tổng cộng	65.559.022	3.417.649.620	3.936.576.804	(453.368.162)

Số thuế phải nộp của Công ty chưa được cơ quan thuế quyết toán. Số thuế trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN DATLATBECO

Số 9, Dã Chiến, Phường 11, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

Mẫu số B09-DN

(Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Thuế và các khoản phải nộp/thu Ngân sách Nhà Nước (tiếp theo)

Phải nộp

	Cuối năm	Đầu năm
Thuế TNDN	57.413.189	17.983.356
Thuế TNCN	8.927.295	8.927.295
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	38.648.371
Tổng cộng	66.340.484	65.559.022

Phải thu

	Cuối năm	Đầu năm
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	65.119.631	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	353.013.575	-
Thuế đất	101.575.440	-
Tổng cộng	519.708.646	-

13. Chi phí phải trả ngắn hạn

Chi phí dịch vụ

	Cuối năm	Đầu năm
Chi phí dịch vụ	40.000.000	40.000.000
Tổng cộng	40.000.000	40.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DATLATBECO

Số 9, Dã Chiến, Phường 11, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

Mẫu số B09-DN

(Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Phải trả khác	Cuối năm	Đầu năm
Bảo hiểm xã hội	109.562.792	-
Nhận ký quỹ, ký cược	132.500.000	132.500.000
Mượn tiền Bà Lâm Diệu Linh	9.000.000.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	54.982.944
Tổng cộng	9.242.062.792	187.482.944

15. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Cuối năm	Đầu năm
Quỹ Khen thưởng, Phúc lợi	329.414.361	329.414.361
Tổng cộng	329.414.361	329.414.361

16. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Các khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	18.000.000.000	-	4.245.950.615	454.897.808	22.700.848.423
- Tăng vốn trong năm trước	18.000.000.000	-	-	-	18.000.000.000
- Lãi trong năm trước	-	-	-	978.073.498	978.073.498
- Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	4.653.381	(4.653.381)	-
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(2.326.691)	(2.326.691)
- Giảm khác	-	-	-	(48.174.524)	(48.174.524)
Số dư đầu năm nay	36.000.000.000	-	4.250.603.996	1.377.816.710	41.628.420.706
- Lãi trong năm nay	-	-	-	17.943.370	17.943.370
- Giảm khác	-	-	-	(291.005.021)	(291.005.021)
Số dư cuối năm nay	36.000.000.000	-	4.250.603.996	1.104.755.059	41.355.359.055

CÔNG TY CỔ PHẦN DATLATBECO

Số 9, Dã Chiến, Phường 11, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B09-DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

(Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

		Cuối năm	Đầu năm
b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu			
Tổng Công ty Thuốc Lá Việt Nam		5.026.200.000	5.026.200.000
Ông Bùi Thành Lâm		18.363.340.000	18.363.340.000
Ông Bùi Thành Chi		5.400.000.000	5.400.000.000
Bà Lâm Diệu Linh		5.400.000.000	5.400.000.000
Cổ đông khác		1.810.460.000	1.810.460.000
Tổng cộng		36.000.000.000	36.000.000.000
Tại ngày 31/03/2024, vốn điều lệ của Công ty đã được góp đủ.			
Không có các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận trong năm.			
c. Các quỹ của doanh nghiệp		Cuối năm	Đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển		4.250.603.996	4.250.603.996
Tổng cộng		4.250.603.996	4.250.603.996
VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.			
		Đơn vị tính: VND	
1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng		12.295.999.134	21.771.947.569
Tổng cộng		12.295.999.134	21.771.947.569
2. Giá vốn hàng bán		Năm nay	Năm trước
Giá vốn hàng bán		9.339.363.304	19.582.030.439
Dự phòng/hoàn nhập giảm giá hàng tồn kho		-	(1.279.366.325)
Tổng cộng		9.339.363.304	18.302.664.114
3. Doanh thu hoạt động tài chính		Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi		623.001	66.767.986
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện		-	26.516.647
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		7.735.997	285.080
Tổng cộng		8.358.998	93.569.713
4. Chi phí tài chính		Năm nay	Năm trước
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện		6.842.380	89.602.328
Tổng cộng		6.842.380	89.602.328
5. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp		Năm nay	Năm trước
a. Chi phí bán hàng			
Chi phí nhân viên		793.096.431	386.294.397
Chi phí khấu hao tài sản cố định		62.014.800	62.014.800
Chi phí dịch vụ mua ngoài		229.890.734	352.688.918
Tổng cộng		1.085.001.965	800.998.115
b. Chi phí quản lý doanh nghiệp			
Chi phí nhân viên quản lý		587.699.911	1.450.770.126
Chi phí đồ dùng văn phòng		302.130.082	411.070.717
Chi phí khấu hao tài sản cố định		204.862.895	95.438.442
Thuế, phí và lệ phí		3.000.000	11.927.295
Chi phí dịch vụ mua ngoài		217.953.975	263.504.788
Chi phí bằng tiền khác		271.437.675	447.926.595
Tổng cộng		1.587.084.538	2.680.637.963

CÔNG TY CỔ PHẦN DATLATBECO

Số 9, Dã Chiến, Phường 11, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B09-DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

(Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Chi phí thuế TNDN hiện hành trong kỳ được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận trước thuế	75.356.559	996.056.854
Các khoản làm tăng lợi nhuận chịu thuế	211.709.386	21.209.353
Chi phí không được trừ	211.709.386	21.209.353
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-
Lợi nhuận chịu thuế ước tính	287.065.945	1.017.266.207
Chuyển lỗ	-	(927.349.426)
Thuế suất thuế TNDN áp dụng trong kỳ	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành ước tính trong kỳ	57.413.189	17.983.356

7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp
Lợi nhuận sau thuế TNDN phân bổ cho cổ đông phổ thông
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm
Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	17.943.370	978.073.498
Lợi nhuận sau thuế TNDN phân bổ cho cổ đông phổ thông	17.943.370	978.073.498
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế	-	2.326.691
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	3.600.000	3.600.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5	271

8. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

Chi phí nguyên liệu, vật liệu
Chi phí nhân công
Chi phí dụng cụ sản xuất
Chi phí khấu hao tài sản cố định
Chi phí dịch vụ mua ngoài
Chi phí bằng tiền khác

Tổng cộng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.425.337.273	16.392.580.634
Chi phí nhân công	3.693.668.715	3.737.728.567
Chi phí dụng cụ sản xuất	302.130.082	520.341.807
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.187.169.550	1.216.673.236
Chi phí dịch vụ mua ngoài	775.158.923	642.165.691
Chi phí bằng tiền khác	627.985.264	447.926.595
Tổng cộng	12.011.449.807	22.957.416.530

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về các bên liên quan

Bên liên quan

Bà Lâm Diệu Linh

Mối quan hệ

Cổ đông, Giám đốc

a. Nghiệp vụ với các bên liên quan

i) Mượn tiền

Bà Lâm Diệu Linh

Tổng cộng

	Năm nay	Năm trước
Mượn tiền	9.000.000.000	-
Tổng cộng	9.000.000.000	-

b. Số dư cuối năm với các bên liên quan

Phải thu tạm ứng

Bà Lâm Diệu Linh

Phải trả khác

Bà Lâm Diệu Linh

	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu tạm ứng	-	7.100.000.000
Cuối năm	9.000.000.000	-

Số 9, Dã Chiến, Phường 11, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

Mẫu số B09-DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

(Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Số liệu so sánh là số liệu Báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023 đã được kiểm toán.

Sau ngày kết thúc niên độ tài chính tại ngày 31 tháng 03 năm 2024 đến ngày lập Báo cáo tài chính này không có sự kiện bất thường nào xảy ra.

Ngày 15 tháng 05 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng



NG
NG
NG
T. LÂM ĐỒNG ★

Số chứng thực:.....168 14--16.....Quyển số:.....SCT/BS

Ngày: 11-09-2025



CHẾ QUANG KHÁNH

